

Ranger Raptor Thế hệ Mới



Ford

LIVE THE
RANGER LIFE

Tột cùng phấn khích

Được cấu tạo bởi sự kết hợp tuyệt vời giữa sức mạnh nguyên thủy cùng với những tính toán chính xác của công nghệ và kỹ thuật, Ranger Raptor Thế hệ Mới sẵn sàng đem đến sự phấn khích tột cùng cho người lái.



7 Chế độ lái tùy chọn



Cần số điện tử

Động cơ Bi-Turbo 2.0L Thế hệ Mới

Được phát triển bởi đội ngũ Ford Performance nhằm chinh phục mọi điều kiện địa hình, Ranger Raptor Thế hệ Mới được trang bị động cơ 2.0L Bi-Turbo cải tiến, giúp mang đến cảm giác lái đầy phấn khích và khả năng vượt qua mọi giới hạn trên cả đường bằng phẳng lẫn địa hình off-road.



Thiết kế cửa thùng hàng ấn tượng

Hệ thống khung gầm mới được gia cố vững chắc hơn. Hệ thống treo tay đòn kép phía trước cùng hệ thống treo sau với thanh ổn định liên kết kiểu Watts được cải tiến giúp Ranger Raptor Thế hệ Mới nhẹ nhàng vượt qua các địa hình off-road khắc nghiệt nhất.





Sạc không dây



Đường chỉ màu cam đặc trưng, đậm chất thể thao



Thiết kế nội thất đầy sức mạnh

Ghế ngồi thể thao thiết kế hoàn toàn mới, lấy cảm hứng từ máy bay chiến đấu phản lực, mang đến sự thoải mái và hỗ trợ người ngồi trong những hành trình đầy phấn khích.



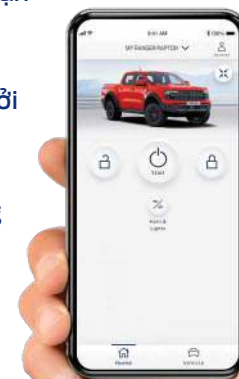
Bộ giảm xóc Fox 2.5" tối tân

Kết nối mọi lúc, mọi nơi

Ford Ranger Raptor được trang bị một modem với tên gọi FordPass™ Connect, cho phép bạn có thể kết nối với chiếc xe mọi lúc, mọi nơi.

Với ứng dụng FordPass™ cài đặt trên điện thoại, bạn có thể xác định được vị trí xe, khởi động, mở/khóa xe, làm mát hoặc làm ấm trước khoang xe từ xa.

-  Khởi động/Dừng động cơ với tính năng Làm mát trước khoang xe từ xa
-  Khóa/ Mở khóa xe từ xa
-  Xác định Vị trí xe
-  Tình trạng xe



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS		RANGER RAPTOR 2.0L 4WD AT
Động cơ & Tính năng Vận hành / Power and Performance		
Động cơ / Engine Type		Bi Turbo Diesel 2.0L I4 TDCI
		Trực cam kép, có làm mát khí nạp / DOHC, with Intercooler
Dung tích xi lanh / Displacement (cc)		1996
Công suất cực đại (PS/vòng/phút) / Max Power (Ps/rpm)		210 (154.5 kW) / 3750
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) / Max Torque (Nm/rpm)		500 / 1750 - 2000
Hệ thống truyền động / Drivetrain		Hai cầu chủ động toàn thời gian và bán thời gian / 4WD
Gài cầu điện / Shift - on - fly		Có / With
Kiểm soát đường địa hình / Terrain Management System		Có / With
Khóa vi sai cầu sau / Rear e-locking Differential		Có / With
Hộp số / Transmission		Số tự động 10 cấp điện tử / 10 speeds AT E-Shifter
Lấy chuyển số thể thao / Paddle Shift		Có / With
Trợ lực lái / Assisted Steering		Trợ lực lái điện / EPAS
Kích thước / Dimensions		
Dài x Rộng x Cao / Length x Width x Height (mm)		5381 x 2028 x 1922
Khoảng sáng gầm xe / Ground Clearance (mm)		233
Chiều dài cơ sở / Wheel base (mm)		3270
Bán kính vòng quay tối thiểu / Min Turning Radius (mm)		6600
Dung tích thùng nhiên liệu / Fuel Tank Capacity (l)		80 l
Hệ thống treo / Suspension System		
Hệ thống treo trước / Front Suspension		Độc lập, tay đòn kép, giảm xóc thể thao và thanh cân bằng / Independent springs, tubular double acting shock absorbers & anti-roll bar
Hệ thống treo sau / Rear Suspension		Giảm xóc thể thao và thanh ổn định liên kết kiểu Watts Linkage / Rear Suspension with performance shock absorbers and Watt's link
Hệ thống phanh / Brake System		
Phanh trước / Front Brake		Phanh đĩa / Disc Brake
Phanh sau / Rear Brake		Phanh đĩa / Disc Brake
Cỡ lốp / Tyre Size		LT285 / 70R17
Bánh xe / Wheel		Vành hợp kim nhôm đúc 17" / Alloy 17"
Trang thiết bị an toàn / Safety Features		
Túi khí phía trước / Driver & Passenger Airbags		Có / With
Túi khí bên / Side Airbags		Có / With
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe / Curtain Airbags		Có / With
Túi khí đầu gối người lái / Knee Airbag		Có / With
Camera		Camera 360
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe / Parking Aid Sensor		Cảm biến trước & sau / Front & Rear Sensor
Hỗ trợ đỗ xe tự động / Automated Park Assist		Có / With
Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD		Có / With
Hệ thống Cân bằng điện tử / Electronic Stability Program (ESP)		Có / With
Hệ thống Kiểm soát chống lật xe / Roll Over Protection System		Có / With
Hệ thống Hỗ trợ khởi hành ngang dốc / Hill Launch Assist		Có / With
Hệ thống Kiểm soát hành trình trên đường địa hình / Trail Control		Có / With
Hệ thống Kiểm soát hành trình thích ứng / Adaptive Cruise Control		Có / With
Hệ thống Cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo xe cắt ngang / BLIS with Cross Traffic Alert		Có / With
Hệ thống Cảnh báo lệch làn và Hỗ trợ duy trì làn đường / LDW and LKA		Có / With
Hệ thống Cảnh báo va chạm và Hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật / FCW and AEB		Có / With
Hệ thống Kiểm soát áp suất lốp / TPMS		Có / With
Hệ thống Chống trộm/ Anti Theft System		Có / With
Trang thiết bị ngoại thất / Exterior		
Đèn phía trước / Headlamp		LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc / LED Matrix , Auto Headlamp, Auto Corner Headlamp
Đèn pha chống chói tự động / Auto High Beam System		Có / With
Đèn chạy ban ngày / Daytime Running Lamp		Có / With
Gạt mưa tự động / Auto Rain Wiper		Có / With
Đèn sương mù / Front Fog Lamp		Có / With
Gương chiếu hậu bên ngoài / Side Mirror		Điều chỉnh điện, gấp điện / Power adjust, fold
Trang thiết bị bên trong xe / Interior		
Khởi động bằng nút bấm / Power Push Start		Có / With
Chìa khóa thông minh / Smart Keyless Entry		Có / With
Điều hoà nhiệt độ / Air Conditioning		Tự động 2 vùng / Dual Electronic ATC
Vật liệu ghế / Seat Material		Da cao cấp / Premium Leather
Tay lái / Steering Wheel		Bọc da / Leather
Hàng ghế trước / Driver & Passenger Seat		Chỉnh điện 10 hướng / 10-way Power
Gương chiếu hậu trong / Rear View Mirror		Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày/đêm / Electrochromatic Rear View Mirror
Cửa kính điều khiển điện / Power Window		Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt cho hàng ghế trước) / With (one-touch UP & DOWN on front seat and with antipinch)
Hệ thống âm thanh / Audio system		AM/FM, MP3, USB, Bluetooth, 6 loa (speakers)
Hệ thống SYNC® / SYNC® System		Điều khiển giọng nói SYNC® 4A / Voice Control SYNC® 4A
		Màn hình TFT cảm ứng 12" / 12" TFT Touch Screen
Bảng đồng hồ tốc độ / Instrument Cluster		Màn hình 12.4" / 12.4" Screen
Sạc không dây / Wireless Charging		Có / With
Điều khiển âm thanh trên tay lái / Audio Control on Steering wheel		Có / With

Lưu ý:
•Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập website <http://www.ford.com.vn> hoặc liên lạc với chúng tôi theo số điện thoại đường dây nóng miễn phí 1800-588888. •Chiếc xe này được nhập nguyên chiếc bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam – Phường Tù Tĩnh – TP. Hải Dương – Tỉnh Hải Dương.
•Các thông tin chi tiết và hình ảnh trong tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể được sửa đổi mà không báo trước. Anh chụp và màu sắc của xe có thể khác so với thực tế. •Liên hệ các Đại lý Ủy quyền của Ford để biết thêm thông tin về màu sắc, chi tiết và các phiên bản sẵn có của xe.



Trải nghiệm Chủ sở hữu Thế hệ Mới



Chuyên gia Sản phẩm Ford



Bảo dưỡng Nhanh 60 phút



Đặt lịch Dịch vụ Trực tuyến



Dịch vụ Hỗ trợ Cứu hộ Ford 24/7



Dịch vụ Nhận & Giao xe tận nơi



Dịch vụ Cho mượn xe



Giá dịch vụ tham khảo trước khi đưa xe vào đại lý

Một số dịch vụ chỉ áp dụng với những điều kiện nhất định. Vui lòng liên hệ với Đại lý để biết thêm chi tiết.

Các màu cơ bản



Trắng



Xanh Dương



Xám



Cam



Đen